TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 91/2019/QĐST-HNGĐ	*Phú Mỹ, ngày 07 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Vũ Thị Nguyệt T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 12, khu phố X, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Ông Phan Thanh Nguyên Q, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 12, khu phố X, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Phan Thanh Nguyên Q là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 22 tháng 01 năm 2009, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30/5/2019, bà T và ông Q xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc bà T và ông Q thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung:

Bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Phan Thanh Nguyên Q có 02 con chung tên là Phan Nhật T, sinh ngày 23/7/2009 và Phan Vũ Kim N, sinh ngày 18/6/2010; cháu T và cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ. Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ông Q đồng ý; ông Q được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Thanh Nguyên Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 8.000.000đ (Tám triệu đồng) - tức mỗi cháu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng nên ghi nhận là phù hợp. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu khi án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi cháu T, cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân và gia đình: Bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Phan Thanh Nguyên Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Phan Thanh Nguyên Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Phan Thanh Nguyên Q thuận tình ly hôn;

2.2. Về con chung: Bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Phan Thanh Nguyên Q có có 02 con chung tên là Phan Nhật T, sinh ngày 23/7/2009 và Phan Vũ Kim N, sinh ngày 18/6/2010; ông Q có trách nhiệm giao cháu T, cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Q được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Thanh Nguyên Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 8.000.000đ (Tám triệu đồng) - tức mỗi cháu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu khi án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi cháu T, cháu N đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị Nguyệt T và ông Phan Thanh Nguyên Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008570 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ; nên bà T và ông Q đã nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS thị xã Phú Mỹ;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- UBND phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Xuân Long